

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
tổng hợp giữa niên độ năm 2022

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ NĂM 2022

(Đã Soát Xét)

STT	CHỈ TIÊU	Mã	TM	06 THÁNG NĂM 2021	06 THÁNG NĂM 2022	CHÊNH LỆCH	%
		số					
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	VI.25	260.835.446.898	292.610.287.476	31.774.840.578	112,18
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10		411.300.288		(411.300.288)	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	11		260.424.146.610	292.610.287.476	32.186.140.866	112,36
4	Giá vốn hàng bán	20	VI.27	187.281.311.555	200.224.573.317	12.943.261.762	106,91
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	21		73.142.835.055	92.385.714.159	19.242.879.104	126,31
6	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	8.630.098.286	19.551.723.361	10.921.625.075	226,55
7	Chi phí tài chính	23	VI.28	7.617.736.992	2.574.828.278	(5.042.908.714)	33,80
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	25				-	
9	Chi phí bán hàng	26		1.933.859.346	2.125.120.136	191.260.790	109,89
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		18.929.893.831	18.720.715.632	(209.178.199)	98,89
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	31		53.291.443.172	88.516.773.474	35.225.330.302	166,10
12	Thu nhập khác	32		16.041.885.951	20.131.284.556	4.089.398.605	125,49
13	Chi phí khác	40		3.541.258.898	3.922.220.878	380.961.980	110,76
14	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	50		12.500.627.053	16.209.063.678	3.708.436.625	129,67
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	51		65.792.070.225	104.725.837.152	38.933.766.927	159,18
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.30	13.526.980.270	19.111.168.593	5.584.188.323	141,28
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60	VI.30	-	-	-	
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN (=50-51-52)	70		52.265.089.955	85.614.668.559	33.349.578.604	163,81
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	71					
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						

Giải Trình:

Trong 06 tháng năm 2021: Sản lượng tiêu thụ là: 4.104,24 tấn; Giá bán bình quân: 46.116.197 VND/tấn.

Trong 06 tháng năm 2022: Sản lượng tiêu thụ là: 4.784,29 tấn; Giá bán bình quân: 42.701.876 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ 06 tháng năm 2022 cao hơn 06 tháng năm 2021. Nhưng giá bán bình quân thấp hơn 06 tháng năm 2021.

(giá bán bình quân 06 tháng năm 2022 giảm : 3.414.321VND/tấn hay giảm: 7,40 % so với 06 tháng năm 2021).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh 06 tháng năm 2022 tăng: 35.225.330.302 VND hay tăng 66,1% so với 06 tháng năm 2021. (do thanh lý cây cao su tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước).

+ Lợi nhuận khác 06 tháng năm 2022 tăng : 3.708.436.625VND hay tăng: 29,67% so với 06 tháng năm 2021.

Do đó, lợi nhuận sau thuế 06 tháng năm 2022 tăng: 33.349.578.604 VND hay tăng : 63,81% so với 06 tháng năm 2021.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, N.Vu (b)



Hồ Cường